|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ \_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: /2018/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**(Dự thảo 1)**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;*

*Chính phủ ban hành Nghị định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết các hoạt động và tổ chức thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ; chính quyền địa phương cấp tỉnh.

2. Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các hội khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là tổ chức đại diện cho doanh nghiệp).

3. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cóliên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là tập hợp các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do một cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện dưới các hình thức, nội dung cụ thể và trong một thời hạn nhất định theo quy định của Nghị định này, nhằm cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Bộ Tư pháp đối với chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi ngành, lĩnh vực hoặc địa phương mà bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đó quản lý;

c) Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của mình.

3. Mạng lưới tư vấn viên pháp luật là một bộ phận của mạng lưới tư vấn viên theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, là tập hợp các cá nhân, bao gồm luật sư, luật gia, tư vấn viên pháp luật và các tổ chức hành nghề luật sư, trung tâm hoặc tổ chức tư vấn pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước công nhận trên cơ sở các tiêu chí được ban hành, công bố công khai (sau đây gọi là tư vấn viên pháp luật) để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Cơ sở dữ liệu về pháp luật là cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật và cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý được các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương cấp tỉnh xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 4. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực; đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả; không chồng chéo, trùng lặp.

2. Nhà nước ưu tiên việc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gián tiếp thông qua tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý.

3. Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa cơ quan nhà nước với tổ chức đại diện của doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

4. Căn cứ nguồn lực hỗ trợ, chương trình hỗ trợ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quyết định số lượng doanh nghiệp được nhận hỗ trợ pháp lý đảm bảo nguyên tắc:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước;

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được hỗ trợ trước.

5. Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Chương II**

**HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

**Mục 1**

**Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật**

**Tiểu mục 1**

**Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật**

**Điều 5. Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật**

1. Việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật hoặc văn bản quy phạm pháp luật thay thế Nghị định này.

2. Việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế liên quan đến thương mại mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được thực hiện theo Luật Điều ước quốc tế và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật này.

**Tiểu mục 2**

**Cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý**

**Điều 6. Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý**

1. Cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý bao gồm:

a) Các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp có hiệu lực thi hành và được phép công khai hoặc kết nối với cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này;

b) Các văn bản trả lời của bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh đối với các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình áp dụng pháp luật;

c) Các văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật đối với các vụ việc, vướng mắc pháp lý theo yêu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định này.

**Điều 7. Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về bản án, quyết định của tòa án; phán quyết của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp**

1. Việc công bố bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án trên cổng thông tin điện tử của tòa án được thực hiện theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của tòa án hoặc văn bản quy phạm pháp luật thay thế Nghị quyết này.

2. Việc công bố phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại được thực hiện theo pháp luật trọng tài thương mại, thỏa thuận của các bên có liên quan đến phán quyết, quyết định đó.

3. Việc công bố quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh được thực hiện theo quy định của Luật Cạnh tranh và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật này.

4. Việc công bố quyết định xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật này.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và đăng tải các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành, có liên quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đó lên cổng thông tin điện tử của mình hoặc kết nối với cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

**Điều 8. Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời của cơ quan nhà nước đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, hệ thống hóa, cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương mình đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình áp dụng pháp luật lên cổng thông tin điện tử của mình.

Việc đăng tải văn bản trả lời phải được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản được phát hành.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình áp dụng pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương do mình quản lý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trường hợp vướng mắc phức tạp thì có thể trả lời trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Việc trả lời của cơ quan nhà nước quy định tại khoản này không áp dụng đối với các yêu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa về vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trường hợp này, bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp để có thể sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

**Điều 9. Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm xây dựng, hệ thống hóa, cập nhật dữ liệu các văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật lên cổng thông tin điện tử của mình.

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn vụ việc theo quy định tại khoản 6 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ phải công khai bản tư vấn đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật thông qua danh sách tư vấn viên pháp luật được đăng tải trên cổng thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc văn bản quy phạm phạm luật thay thế Nghị định này.

3. Sau khi thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với tư vấn viên pháp luật phù hợp thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ đến bộ, cơ quan ngang bộ để đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật về vụ việc, vướng mắc. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo mẫu được quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc văn bản quy phạm phạm luật thay thế Nghị định này;

b) Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có nêu rõ nội dung tư vấn.

Bộ, cơ quan ngang bộ phải công khai đơn vị đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị trên cổng thông tin điện tử của mình.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ xem xét thông báo bằng văn bản về việc đồng ý hoặc không đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cơ sở nguyên tắc được quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Trường hợp không đồng ý hỗ trợ chi phí thì phải nêu rõ lý do. Trường hợp đồng ý hỗ trợ chi phí thì mức chi phí hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 03 triệu đồng một năm;

b) Doanh nghiệp nhỏ được hỗ trợ tối đa 30% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 05 triệu đồng một năm;

c) Doanh nghiệp vừa được hỗ trợ tối đa 10% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 10 triệu đồng một năm;

d) Hộ kinh doanh chuyển đổi sang doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật theo quy định tại Chương IV Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc văn bản quy phạm pháp luật thay thế Nghị định này.

5. Trường hợp được bộ, cơ quan ngang bộ đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và sau khi có văn bản tư vấn pháp luật của tư vấn viên pháp luật thì doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ thanh toán phần chi phí tư vấn pháp luật vụ việc, vướng mắc được nhà nước hỗ trợ. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

a) Bản chụp văn bản đồng ý theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Văn bản tư vấn pháp luật, bao gồm 01 bản đầy đủ và 01 bản đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp để bộ, cơ quan ngang bộ công khai trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ;

c) Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật có xác nhận của tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp nhỏ và vừa được tư vấn. Trường hợp tư vấn viên pháp luật là tổ chức hành nghề luật sư, trung tâm hoặc tổ chức tư vấn pháp luật thì phải xuất hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật đối với phần chi phí tư vấn pháp luật được cơ quan nhà nước hỗ trợ.

6. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn vụ việc, vướng mắc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đề nghị thanh toán; trường hợp nội dung văn bản tư vấn pháp luật không thuộc phạm vi tư vấn theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp được quy định tại điểm c khoản 3 Điều này thì bộ, cơ quan ngang bộ từ chối thanh toán chi phí và có văn bản thông báo với doanh nghiệp và tư vấn viên pháp luật.

**Mục 2**

**Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý**

**cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

**Điều 10. Căn cứ xây dựng và các hoạt động của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Căn cứ xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong từng thời kỳ, lĩnh vực, địa phương;

b) Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và kế hoạch ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh;

c) Nguồn lực của bộ, cơ quang ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

2. Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

a) Hoạt động cung cấp thông tin, bao gồm thông tin pháp luật trong nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế và cảnh báo rủi ro pháp lý;

b) Hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, bao gồm bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho mạng lưới tư vấn viên pháp luật;

c) Hoạt động tư vấn pháp luật, bao gồm đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn pháp luật khác phù hợp với các quy định của pháp luật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa và nguồn lực theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

**Điều 11. Thời gian thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có thời hạn tối đa 05 năm.

2. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức tổng kết để xây dựng hoặc đề xuất xây dựng các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp theo trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa và nguồn lực của cơ quan, tổ chức.

**Điều 12. Xây dựng và phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Theo đề nghị của Bộ Tư pháp, bộ, cơ quan ngang bộ, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý đề xuất hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp gửi đến Bộ Tư pháp để tổng hợp xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành;

b) Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và tổ chức khác, cá nhân có liên quan xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi bộ, cơ quan ngang bộ:

a) Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng và đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi ngành, lĩnh vực do bộ, cơ quan ngang bộ quản lý.

Tổ chức pháp chế chủ trì thực hiện trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ xem xét cho ý kiến chỉ đạo; sau đó tổ chức xin ý kiến cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động của chương trình, lấy ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp và tổng hợp hoàn thiện báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý trên cơ sở đề nghị của tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.

3. Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương:

a) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và đề xuất phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương;

b) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương do mình quản lý trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương do mình quản lý.

4. Quyết định phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được gửi cho Bộ Tư pháp, bộ, cơ quan ngang bộ liên quan và đăng công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện chương trình.

5. Căn cứ vào nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do mình chủ trì thực hiện, theo đó:

a) Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh xem xét, hỗ trợ kinh phí để thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Căn cứ vào chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của mình, bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh có thể hỗ trợ kinh phí nhưng tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do tổ chức đại diện cho doanh nghiệp đề xuất từ nguồn kinh phí của bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh. Kinh phí còn lại do tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tự chi trả, có thể xã hội hóa, huy động từ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp để thực hiện.

**Điều 13. Triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Sau khi chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện chương trình trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình hoặc giao cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo quy chế được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành quy chế lựa chọn, hướng dẫn chi tiết việc đăng ký, ký hợp đồng giao việc, thực hiện, đánh giá và thanh lý hợp đồng giao việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để triển khai các hoạt động của chương trình phù hợp với pháp luật đấu thầu, thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của mình và cổng thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Tư pháp**.**

3. Căn cứ vào chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và quy chế được quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có quyền đăng ký tham gia thực hiện các hoạt động trong chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp chủ trì thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định này chủ động triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm về việc sử dụng khoản kinh phí được cơ quan nhà nước hỗ trợ.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỖ TRỢ PHÁP LÝ**

**CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

**Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Bộ Tư pháp thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi cả nước, có trách nhiệm:

a) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Tham gia ý kiến đối với hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh khi có yêu cầu, trong đó có việc xây dựng, phê duyệt và thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh;

c) Chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý liên quan đến hoạt động doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý;

c) Xây dựng mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cổng thông tin điện tử của mình;

d) Gửi báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo yêu cầu của Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Chính quyền địa phương cấp tỉnh:

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Nghị định này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; gửi báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương theo yêu cầu của Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có trách nhiệm:

a) Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về pháp luật, chủ trì, tham gia xây dựng, thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; huy động các nguồn lực để hỗ trợ pháp lý cho hội viên là doanh nghiệp nhỏ và vừa;

c) Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia đánh giá cơ sở dữ liệu về pháp luật và chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

d) Thực hiện cung cấp dịch vụ pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có trách nhiệm:

a) Chủ động tìm hiểu pháp luật, sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật hoặc tổ chức hành nghề luật sư để giúp doanh nghiệp tuân thủ pháp luật;

b) Phối hợp với các cơ quan nhà nước và tổ chức đại diện của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định này;

c) Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

**Điều 15. Bảo đảm nguồn lực thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được củng cố, kiện toàn để làm đầu mối triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định này, xây dựng mạng lưới tư vấn viên pháp luật của bộ, cơ quan ngang bộ.

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được kiện toàn đầu mối để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng và chủ trì thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương.

Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, sở, ban thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được đảm bảo biên chế để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Nghị định này.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Bố trí kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 16. Kiểm tra, giám sát hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành có quyền thanh tra, kiểm tra hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

1. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:
2. Chất lượng, đối tượng thụ hưởng của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;
3. Việc thực hiện trình tự, thủ tục và nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và tiếp thu, phản hồi ý kiến phản ánh của doanh nghiệp về kết quả thực hiện;
4. Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 17. Đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, tác động đối với đối tượng được hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá tại mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cổng thông tin điện tử của mình và cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

2. Việc tổng hợp ý kiến phản hồi của doanh nghiệp nhỏ và vừa thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý là cơ sở đánh giá hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 18. Quy định chuyển tiếp**

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt và được hưởng các ưu đãi theo quy định của Nghị định này.

**Điều 19. Hỗ trợ pháp lý cho đối tượng không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa*Phương án 1:***

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh có thể xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, hợp tác xã.

2. Tùy thuộc vào nguồn lực hỗ trợ pháp lý, bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể quyết định áp dụng tương tự các nội dung, hình thức về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

***Phương án 2***: Không quy định.

**Điều 20. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày….tháng….năm…. và thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

**Điều 21. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh triển khai Nghị định này và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, PL. | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |